



Phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An (2011- 2021)

Ảnh: Nhật Thanh

□ VÕ THỊ HẠNH*

□□ LƯƠNG THỊ THÀNH VINH**

Vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An là một trong những vùng kinh tế của miền Trung, có ý nghĩa chiến lược không chỉ với phát triển kinh tế mà cả với an ninh quốc phòng. Vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An có những điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội đặc thù khác với các vùng còn lại của tỉnh Nghệ An, nhất là đối với việc phát triển ngành nông nghiệp. Vì vậy, việc tổ chức sản xuất nông nghiệp của vùng cần có những định hướng cơ sở khoa học nhằm phát triển nông nghiệp thích ứng với tình hình hiện nay theo mục tiêu phát triển bền vững.

1. Nội dung nghiên cứu

1.1. Giới thiệu về khu vực nghiên cứu

Vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An có diện tích 2752,58 km², chiếm 16,7% diện

tích tự nhiên của tỉnh (Theo: *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2021*). Hệ tọa độ địa lí phần đất liền từ 180°35' - 20°00' vĩ độ Bắc, thuộc địa phận gồm 7 huyện (Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc, Yên Thành, Đô Lương,

* Trường THCS Hưng Bình, TP Vinh, Nghệ An

** Khoa Địa lí - Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Nam Đàn, Hưng Nguyên), 2 thị xã (thị xã Hoàng Mai, thị xã Cửa Lò) và thành phố (thành phố Vinh). Phía Bắc giáp đồng bằng Thanh Hóa, phía Nam giáp tỉnh Hà Tĩnh giới hạn bởi sông Lam, phía Đông giáp biển Đông với đường bờ biển dài 82 km (Theo: *Địa lí tỉnh Nghệ An* - Tác giả: Trần Kim Đôn), phía Tây giáp vùng đồi núi tỉnh Nghệ An.

Quá trình phát triển nông nghiệp ở vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An đã đạt được các mục tiêu đề ra trong phương hướng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2011 - 2021, tuy nhiên cũng có một số hạn chế nhất định.

1.2. Những thuận lợi và khó khăn chính trong phát triển ngành nông nghiệp ở vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An

1.2.1. Thuận lợi

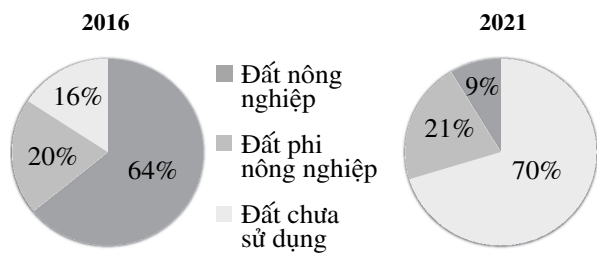
Vị trí địa lí trung tâm, vùng có đầy đủ các hệ thống giao thông: đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, là điều kiện thuận lợi tạo thế mạnh và tiềm năng phát triển, trao đổi hàng hóa nông sản với các vùng, các tỉnh khác và với cả các quốc gia khác. Tiêu biểu như : Cảng hàng không Vinh, Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, ga Vinh tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế liên vùng, thúc đẩy giao lưu kinh tế - xã hội với các vùng khác và với cả nước cũng như các quốc gia khác. Trong đó, cụm cảng Cửa Lò, Bến Thủy, Xuân Hải (Hà Tĩnh) mà trọng tâm là cảng Cửa Lò được xác định là cảng biển quốc tế quan trọng của vùng Bắc Trung bộ, đồng thời cũng là cửa ngõ giao thông vận tải biển giữa Việt Nam - Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan... Với vai trò là vùng trọng điểm kinh tế của cả tỉnh, vùng đồng bằng ven biển Nghệ An được hưởng những ưu tiên nhất định, cơ hội lớn nhận được các nguồn đầu tư từ tỉnh, TW và các quốc gia khác.

Vùng có địa hình, đất đai,... cùng với nguồn nước dồi dào, tạo lợi thế để phát triển

cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa và là nguồn cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến hàng nông sản.

Diện tích lớn cùng với quỹ đất nông nghiệp còn khá dồi dào tạo thuận lợi cho việc quy hoạch các trang trại, vùng nguyên liệu theo quy mô lớn. Trong đó, đất nông nghiệp là 193.146,83 ha chiếm tới 70,2 % (năm 2021), đất chưa sử dụng là 24.305,59 ha chiếm 8,8% diện tích đất tự nhiên.

Biểu đồ 1: Cơ cấu sử dụng đất vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2021



Nghệ An có 82 km chiều dài bờ biển với diện tích 4.230 hải lý vuông mặt nước; dọc bờ biển có 6 cửa lạch, có trên 3.000 ha diện tích mặt nước mặn lợ; 12.000 ha ao hồ nước ngọt, nước lợ có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản. Bên cạnh đó, hiện ở khu vực này đang có 7.728,09 ha rừng, trong đó có 331,09 ha rừng ngập mặn; 1.652,82 ha rừng chắn gió, chắn cát; 5.744,18 ha rừng tự nhiên. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành đánh bắt, nuôi trồng thủy sản.

Theo thống kê năm 2021 dân số tỉnh Nghệ An đạt 3,412 triệu người; trong đó lực lượng lao động có gần 2 triệu người đứng thứ 4 cả nước, hàng năm bổ sung hơn 30 nghìn người. Từ bao đời nay, con người xứ Nghệ luôn cần cù, chịu thương chịu khó, nhất là có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, có khả năng tiếp thu nhanh khoa học kĩ thuật. Đây được xem là nhân tố quan trọng nhất

trong phát triển kinh tế không chỉ với vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An nói riêng mà cả với dải đất miền Trung nói chung.

Thị trường vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An ngày càng mở rộng, môi trường đầu tư ngày càng thuận lợi nhờ sự hoàn thiện của cơ sở hạ tầng (thủy lợi, mạng lưới điện, giao thông vận tải,...) và sự thông thoáng của hệ thống chính sách hiện nay; điều này sẽ là lợi thế thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

1.2.2. Những khó khăn và thách thức

Là địa bàn có khí hậu khá khắc nghiệt; nắng lắm, mưa nhiều. Mùa mưa lũ, nước sông dâng cao gây trở ngại lớn cho phát triển nông nghiệp và ngành thủy sản, nhất là vùng sát biển có hiện tượng đất bị nhiễm mặn.

Chất lượng nguồn lao động trên địa bàn mặc dù đã cải thiện song nhìn chung vẫn còn thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế hiện nay. Lực lượng lao động chủ yếu vẫn là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo, lao động có trình độ chuyên môn còn chiếm tỉ lệ thấp. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ chiếm khoảng 21%. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động đang còn chậm, lao động trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đang làm việc là 916 nghìn người, chiếm tỷ lệ 47,98%.

Mặt khác, cơ sở hạ tầng của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An đã dần được hoàn thiện, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của công cuộc CNH - HĐH.

Thực lực kinh tế của vùng chưa mạnh, huy động nguồn lực đầu tư gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển. Nhiều dự án trọng điểm không đạt tiến độ đề ra, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư và tăng trưởng.

Môi trường sinh thái ở một số nơi xuống cấp, nhất là do khai thác tài nguyên thiên nhiên không bền vững. Thiên tai, dịch bệnh gây hậu quả nặng nề đối với quá trình phát triển; thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội và ảnh hưởng lớn tới đời sống người dân.

1.3 Những biến đổi trong cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo ngành

Cơ cấu kinh tế của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An có những bước chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông - lâm - ngư từ 29,84% (năm 2011) xuống còn 16,03% (năm 2021), tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Giá trị sản xuất của ngành nông - lâm - thủy sản tăng nhanh và ổn định trong giai đoạn 2011- 2021, trong vòng 10 năm tăng gần 2 lần, từ 20.048,022 tỷ đồng (năm 2011) lên 40.090,1 tỷ đồng (năm 2021). Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011 - 2021 đạt trên 4,79%/năm. Trong đó: nông nghiệp đạt 3,85%/năm; lâm nghiệp 5,89%/năm và thủy sản đạt 9,71%/năm.

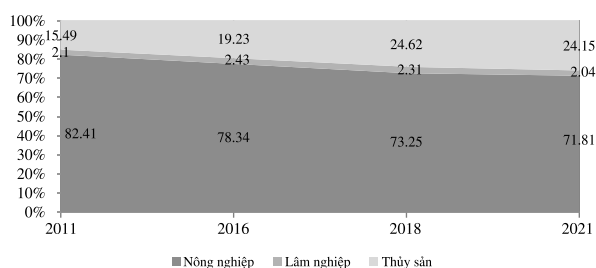
Bảng 1. GTSX ngành nông lâm ngư nghiệp của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011 - 2021 (theo giá hiện hành)

Tiêu chí	Đơn vị	2011	2016	2021
GTSX toàn ngành kinh tế (giá hiện hành)	Tỷ đồng	67.184,987	120.555,167	250.065,892
GTSX N- L- TS (Giá hiện hành)	Tỷ đồng	20.048,022	26.256,975	40.090,1
Tỷ trọng GTSX của ngành N - L - TS	%	29,84	21,78	16,03

Nguồn: Xử lý từ số liệu Cục Thống kê Nghệ An

Cơ cấu GTSX ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2011 - 2021 đã có sự chuyển dịch phù hợp. Mặc dù ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhưng đang có xu hướng giảm từ 82,44% (năm 2011) xuống còn 71,81% (năm 2021), ngành chăn nuôi tuy chiếm tỷ trọng chăn nuôi nhỏ nhưng đang có xu hướng tăng lên từ 15,49% (năm 2011) lên 26,15% (năm 2021).

Biểu đồ 2: Sự chuyển dịch cơ cấu GTSX ngành N - L - TS vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011 - 2021



1.3.1. Trong nông nghiệp

Trong cơ cấu GTSX nông nghiệp, tỉ trọng ngành trồng trọt chiếm tỉ lệ cao nhưng có xu hướng giảm từ 62,74% (năm 2011) xuống còn 47,99% (năm 2021), ngành chăn nuôi có xu hướng chiếm tỉ trọng khá lớn và có xu hướng tăng lên từ 36,26 % (năm 2011) lên 47,55% (năm 2021). Trong ngành trồng trọt và chăn nuôi cũng có sự thay đổi. Ngành dịch vụ tuy chỉ chiếm một tỉ trọng khiêm tốn đang có xu hướng tăng khá nhanh từ 1% (năm 2011) lên 4,09% (năm 2021). Điều này phù hợp với chính sách đưa chăn nuôi lên làm ngành chính để phục vụ nhu cầu thực phẩm của người dân.

Bảng 2: GTSX và cơ cấu GTSX ngành nông nghiệp vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011 - 2021 (giá hiện hành)

Năm	GTSX (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ NN
2011	16.526,684	62,74	36,26	1,00
2016	20.570,702	52,73	42,46	4,81
2018	25.765,645	49,94	45,97	4,09
2021	28.788,061	47,99	47,55	4,46

Nguồn và xử lí: Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2022

a) Ngành trồng trọt

Ngành trồng trọt vẫn là ngành chủ đạo với cây trồng chủ lực là cây lương thực có hạt (lúa, ngô..), hoa màu và một số sản phẩm chuyên môn hóa như cây công nghiệp (mía, chè..). Bên cạnh đó, theo xu thế chung, vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An hướng đến sản xuất hàng hóa, tập trung chuyên canh, phát triển trang trại, chuyển đổi cơ cấu cây trồng... nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Cây lương thực tập trung nhiều nhất ở các huyện như: Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên Thành...

Bảng 3: Diện tích, sản lượng, năng suất một số cây trồng chính của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011 - 2021

Sản phẩm	Tiêu chí	2011	2016	2021
Lúa	Diện tích (ha)	119.411	116.536	114.046
	Năng suất (tạ/ha)	42,32	54,21	53,72
	Sản lượng (tấn)	574.764	677.518	648.032
Ngô	Diện tích (ha)	27.415	24.142	18.092
	Năng suất (tạ/ha)	36,95	44,13	45,57
	Sản lượng (tấn)	108.610	109.712	82.917
Khoai lang	Diện tích (ha)	8.224	3.479	2.018
	Năng suất (tạ/ha)	64.86	66.47	70.82
	Sản lượng (tấn)	578.828	25.102	15.150

Sắn	Diện tích (ha)	3.466	2.376	1.428
	Năng suất (tạ/ha)	184.05	202.37	213.63
	Sản lượng (tấn)	85.479	54.585	32.083
Rau đậu	Diện tích (ha)	15.792	18.345	20.390
	Năng suất (tạ/ha)	261,5	258,1	275,4
	Sản lượng (tấn)	412.971	473.512	561.567
Lạc	Diện tích (ha)	16.039	12.384	10.529
	Năng suất (tạ/ha)	22,1	26,4	27,2
	Sản lượng (tấn)	35.427	32.644	28.605
Mía	Diện tích (ha)	1.328	1.467	1.499
	Năng suất (tạ/ha)	595,2	579,1	556,4
	Sản lượng (tấn)	79.041	84.950	83.400

Nguồn: Xử lý từ niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2022

Trong cơ cấu cây lương thực của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An, lúa được xem là cây trồng chủ đạo nhất. Cây lúa chiếm 86,3% tổng diện tích và 88,7% tổng sản lượng cây lương thực có hạt (năm 2021) của toàn tỉnh. Diện tích, sản lượng lớn nhất là ở các huyện như: Yên Thành, Diễn Châu, Nam Đàn, Hưng Nguyên... Vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An đã đưa một số giống lúa mới có chất lượng tốt vào sản xuất: VT404, Thái Xuyên 111, NA06, ADI 30... hình thành được các vùng sản xuất lúa chất lượng cao.

Cây ngô có vai trò quan trọng thứ hai trong sản xuất lương thực của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An. Cây ngô được trồng chủ yếu ở các bãi bồi ven sông Lam, xen đất lúa và cây hàng năm. Trong giai đoạn 2011 - 2021 diện tích ngô giảm từ 27.415 ha (năm 2011) xuống còn 18.092 ha (năm 2021) do

chuyển đổi cơ cấu cây trồng khác. Năm 2021, các huyện dẫn đầu về diện tích và sản lượng ngô là huyện Nam Đàn, Nghi Lộc, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Đô Lương.

Trong những năm gần đây, vùng đã xây dựng và hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất rau màu hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao để tăng năng suất, chất lượng và tăng thu nhập cho nông dân, nhiều vùng sản xuất rau tập trung ở H.Quỳnh Lưu, H.Diễn Châu, TP.Vinh, H.Nam Đàn. Đến năm 2021 diện tích tăng lên 20.390 ha, sản lượng 561.567 tấn. Giai đoạn 2011-2021 tốc độ tăng trưởng giá trị sản phẩm rau củ quả tăng bình quân 6,29%/năm, tỷ trọng đóng góp vào tổng sản phẩm của ngành nông nghiệp đạt 6,5%.

Vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An là địa bàn có nhiều điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp để trồng một số loại cây ăn quả như: cam, dưa, vải, nhãn... Trong giai đoạn 2011 - 2021, tổng diện tích cây ăn quả liên tục tăng, năm 2011 đạt 8.253 ha, sản lượng đạt 79.356 tấn đến năm 2021 đạt 9.368 ha, sản lượng đạt 160.650 tấn.

- Cây công nghiệp là loại cây có vai trò quan trọng thứ hai sau cây lương thực cả về diện tích và sản lượng. Tuy nhiên diện tích và sản lượng cây công nghiệp vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An có xu hướng giảm. Trong đó, cây hàng năm chiếm tỷ trọng cao (trên 90%) hơn cây lâu năm (trên 5%). Do điều



Hợp tác xã Hồng Liên (xã Nghi Liên - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An)

kiện tự nhiên đất, khí hậu... phù hợp với cây hàng năm, đi kèm với đó là giá thu mua không ổn định tác động rất lớn đến người nông dân trồng cây công nghiệp. Cây công nghiệp hàng năm gồm có: mía, lạc, vừng....

b) Ngành chăn nuôi

Ngành chăn nuôi trong giai đoạn gần đây cũng được khuyến khích phát triển, năng suất, chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao. Bên cạnh công tác quản lý dịch bệnh, kiểm soát giết mổ thì công tác chế biến sản phẩm chăn nuôi cũng từng bước được chú trọng, thị trường trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng. Các vật nuôi chủ yếu của vùng đồng bằng ven biển miền Trung là gia súc (trâu, bò, dê, lợn), gia cầm (gà, vịt), ngoài ra còn có thêm các ngành chăn nuôi khác như nuôi ong lấy mật, hươu, nhím, thỏ... góp phần đa dạng hóa sản phẩm đặc sản đáp ứng nhu cầu của người dân. Mức tăng trưởng bình quân là 4%, tuy nhiên số lượng đàn gia súc, gia cầm vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An còn nhiều biến động do ảnh hưởng của dịch bệnh, thị trường còn bấp bênh nên đầu ra các sản phẩm chăn nuôi gặp nhiều khó khăn.

Bảng 4. Số lượng đàn gia súc, gia cầm của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011 - 2021 (Đơn vị: con)

Năm	Trâu	Bò	Lợn	Gia cầm
2011	90.616	178.825	701.492	9.380
2015	87.612	175.623	657.543	11.237
2016	80.948	173.522	430.808	15.137
2018	71.657	165.367	378.965	16.218
2021	68.885	155.922	338.488	16.355

Nguồn: Xử lý từ niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2022

1.3.2. Ngành thủy sản

Ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An có sản lượng ngày càng tăng trung bình 2,5 lần trong giai đoạn 2011 - 2021. Trong đó, khai thác chiếm tỉ trọng lớn (trên 65%) và có xu hướng tăng lên. Hoạt động khai thác phát triển ở hầu khắp các huyện vùng đồng bằng ven biển, nhất là các huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Thị xã Cửa Lò... Nuôi trồng trong những năm qua phát triển không ổn định, chủ yếu theo hai phương thức chính là thâm canh, bán thâm canh và quảng canh, quảng canh cải tiến, tuy nhiên, năng suất của ngành nuôi trồng thủy sản chưa cao. Sản lượng lớn nhất là huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Thị xã Cửa Lò, Nghi Lộc...

Bảng 5. Quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011 - 2021

Năm	Sản lượng (tấn)	Khai thác		Nuôi trồng	
		Tấn	%	Tấn	%
2011	89.113	60.268	67,63	28.845	32,36
2016	150.577	112.239	74,53	38.338	25,47
2018	170.332	129.367	75,95	40.965	24,05
2021	224.793	176.025	78,30	48.768	21,70

Nguồn: Tính toán và xử lý từ niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2022

1.3.3. Những vấn đề đặt ra

Song song với những kết quả đạt được, sự phát triển của ngành nông nghiệp ở vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An vẫn còn những hạn chế, thể hiện qua một số khía cạnh sau:

Một là, cơ cấu nông - lâm - thủy sản chuyển dịch chậm. Nông nghiệp vẫn chiếm ở mức cao, trong đó lúa gạo chiếm tỷ trọng lớn. Ngành chăn nuôi tuy phát triển nhanh, nhưng



*Hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ Phú Thịnh
(Hung Thành - Hưng Nguyên - Nghệ An)*

năng suất vật nuôi còn thấp, giá thành cao, mô hình chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi công nghệ cao chiếm tỷ trọng thấp, khả năng kiểm soát dịch bệnh còn yếu... làm cho chăn nuôi phát triển thiếu ổn định. Dịch vụ nông nghiệp, như: cung ứng vật tư, giống cây con, khoa học công nghệ, quy trình sản xuất và quản lý chất lượng nông sản, tín dụng, tiếp thị, tiêu thụ nông sản... chưa phát triển mạnh.

Hai là, việc ứng dụng công nghệ cao mới chỉ được thực hiện ở một số khâu của quá trình sản xuất, mà chưa có nhiều sản phẩm công nghệ cao theo chuỗi giá trị, nên hiệu quả chưa được như mong muốn và thiếu tính bền vững. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa, công nghệ sinh học, các quy trình canh tác tiên tiến để sản xuất ra các nông sản chất lượng vẫn chưa mạnh mẽ. Sản xuất nông sản theo tiêu chuẩn sạch, an toàn (GAP) được chú trọng, bên cạnh đó việc duy trì gặp nhiều khó khăn (giá cả một số nông sản sản xuất theo GAP và không theo GAP chưa có sự chênh lệch rõ rệt). Bên cạnh đó, cũng có nhiều hộ sản xuất, kinh doanh lạm dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng... làm cho sản phẩm nông nghiệp không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tác động xấu đến môi trường sản xuất và sức khỏe người tiêu dùng.

Ba là, vùng đồng bằng ven biển tỉnh chưa tạo ra nhiều nông sản có chất lượng, vì vậy khả

năng cạnh tranh trên thị trường còn chưa cao. Đa số các loại nông sản ở dạng thô hoặc sơ chế nên giá trị gia tăng thấp. Dù đa dạng về sản phẩm, nhưng nông sản vùng đồng bằng ven biển tỉnh chưa tạo dựng được các thương hiệu mạnh, chưa xây dựng nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ, chỉ dẫn địa lý..., nên sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và quốc tế còn kém; kim ngạch xuất khẩu bình quân theo đầu người còn thấp so với mức bình quân chung của cả nước. Thị trường tiêu thụ nông sản còn nhiều khó khăn, mất ổn định do công nghiệp chế biến trên địa bàn vùng chưa phát triển mạnh, chưa có sự hợp tác, liên kết giữa các hộ sản xuất, các trang trại với các doanh nghiệp chế biến nông sản.

Bốn là, hệ thống cơ sở vật chất để chế biến và bảo quản nông sản của vùng đồng bằng ven biển tỉnh còn chưa hoàn thiện. Số nhà xưởng kiên cố chỉ chiếm khoảng 30%. Hầu hết các doanh nghiệp vẫn áp dụng các công nghệ cũ, tỷ lệ cơ giới hoá chỉ chiếm trên 10%, số còn lại là sử dụng các trang thiết bị thủ công bán cơ giới, có ít doanh nghiệp áp dụng công nghệ tự động hoá. Các yếu tố hạ tầng khác như: hệ thống giao thông nội đồng còn nhỏ hẹp, xuống cấp, chưa được đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây mới; hệ thống thủy lợi đáp ứng việc tưới tiêu còn hạn chế; hệ thống lưới điện xây dựng đã lâu, khả năng chịu tải kém...

Năm là, nguồn lao động nông nghiệp vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An tuy dồi dào, nhưng chất lượng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu ở trình độ cao đối với cả đội ngũ quản lý và lao động trực tiếp. Nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống đào tạo của Nghệ An còn nhiều bất cập, đặc biệt là đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Hơn nữa, nhu cầu tự thân của những người làm nông nghiệp đối với việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ sản xuất chưa thành vấn đề cấp thiết. Một trong những nguyên nhân là do thu nhập từ nông nghiệp

còn thấp, trong khi lao động đang tìm thấy cơ hội việc làm khác tốt hơn từ công nghiệp, dịch vụ và xuất khẩu lao động.

1.4. Một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng ven biển tỉnh

Căn cứ vào các nghị quyết, đề án phát triển chủ yếu của Trung ương, tỉnh và của các huyện đồng bằng ven biển như: Nghị quyết 168/2015/NQ-HĐND về quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào tình hình thực tế của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển nông nghiệp ven đô theo hướng đô thị sinh thái gắn liền với dịch vụ, du lịch,... vừa đảm bảo khả năng cạnh tranh vừa hài hòa, bền vững với môi trường.

Căn cứ trên cơ sở những quan điểm chung về quản lý kinh tế phù hợp với bối cảnh hiện nay, theo định hướng chung của tỉnh Nghệ An đến năm 2030 là “tiếp tục phát triển trên nền tảng nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng tăng hiệu quả sản xuất, giảm chi phí, nâng cao chất lượng nông sản; phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị nông sản quy mô lớn nhằm tạo ra giá trị gia tăng cao thông qua ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào quá trình sản xuất, thay đổi chất lượng giống, nâng cao sản phẩm chế biến tinh từ các loại nông sản; phát huy giá trị

của du lịch nông nghiệp để tăng cao thu nhập cho người nông dân và tạo dựng nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp trách nhiệm, nông nghiệp bền vững thân thiện với môi trường”.

Bên cạnh đó cần có các định hướng cụ thể như:

Một là, thay đổi tư duy phát triển, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy sang tư duy phát triển nông nghiệp đa dạng đáp ứng nhu cầu của thị trường, chuyển từ số lượng sang chất lượng, từ sản xuất nhỏ sang chuyên canh quy mô lớn, chú trọng công nghiệp chế biến, mở rộng thị trường.

Hai là, tôn trọng quy luật của thiên nhiên, phù hợp với điều kiện thực tế, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên với phương châm chủ động ứng phó với thiên tai như bão, lũ, hạn hán và các tình huống bất lợi do biến đổi khí hậu gây ra một cách hiệu quả.

Ba là, ứng dụng khoa học công nghệ là con đường cơ bản để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị nông sản. Phát triển mạnh mẽ nông nghiệp bền vững, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch, chú trọng xây dựng thương hiệu.

Như vậy, biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa nông nghiệp nông thôn vừa là thách thức, vừa là cơ hội đối với phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng ven biển. Trong quá trình phát triển cần chủ động tìm kiếm những cơ hội mới để tìm hướng đi mới cho nông nghiệp của vùng.

Từ định hướng trên, tác giả đưa ra một số giải pháp cụ thể và cần tiến hành đồng bộ các giải pháp để phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An như sau:

- Vùng cần có hệ thống chủ trương chính sách đồng bộ, hiện đại, khả thi và hiệu quả. Chính sách đầu tư phát triển nông nghiệp, rà soát lại các văn bản đã kí, ban hành các văn bản mới trong sản xuất nông nghiệp như hỗ trợ nông dân khi bị thiên tai, dịch bệnh, các chính sách khuyến khích phát triển liên kết

sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, hỗ trợ nguồn vốn, thu hút đầu tư, phát triển thị trường, thực hiện có hiệu quả các chuỗi cung cấp thực phẩm nông sản an toàn, bên cạnh đó cũng có các chính sách quản lý chất lượng an toàn thực phẩm.

- Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước về đất đai theo quy hoạch, sử dụng đất một cách hiệu quả, tiết kiệm. Cải cách thủ tục hành chính trong việc giao đất, cấp đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xây dựng cơ chế hài hòa, thông thoáng, từ đó tạo cơ hội cho nhà đầu tư có cơ hội tiếp cận, khai thác tiềm năng của đất đai vào sản xuất nông nghiệp một cách có hiệu quả. Bên cạnh đó cần có những chính sách đảm bảo việc sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn để tránh những bất cập phát sinh trong quá trình thuê nhượng quyền sử dụng đất đai.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực nông nghiệp, nhất là chương trình đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, lao động nông nghiệp. Cụ thể như hỗ trợ về thời gian, kinh phí học tập cho cán bộ và người lao động trong ngành nông nghiệp, hỗ trợ việc làm sau đào tạo, thu hút lao động đã qua đào tạo về phục vụ nông nghiệp vùng đồng bằng ven biển tỉnh, vốn khởi nghiệp, ổn định cuộc sống trong giai đoạn đầu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, tạo ra đam mê đối với ngành nông nghiệp.

- Ứng dụng tiến bộ KHKT và công nghệ vào sản xuất, từ việc hỗ trợ xây dựng mô hình cây, con có chất lượng cao, tiềm năng, có giá trị hàng hóa, nhất là cây trồng, vật nuôi chịu ngập, chịu hạn để thích nghi được với ảnh hưởng bất lợi của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đồng thời cải tiến quy trình nuôi trồng, khai thác, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản, hỗ trợ xây dựng các mô hình kinh tế nông hộ, cung cấp thông tin thị trường, quảng bá sản phẩm, hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở.

- Xây dựng quảng bá thương hiệu, khai thác và mở rộng thị trường, tạo ra hình ảnh nông sản riêng với tên gọi, xuất xứ, hình ảnh về bao bì, nhãn mác... và các yếu tố đằng sau như chất lượng sản phẩm, từ đó phân biệt được sản phẩm của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An với các sản phẩm của các địa phương khác, từ đó từng bước mở rộng thị trường.

- Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường nuôi trồng và tài nguyên nông nghiệp, tài nguyên thủy hải sản. Song song đó, cần xây dựng các chính sách hỗ trợ người nông dân bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.

2. Kết luận

Như vậy, bài báo đã đánh giá tổng hợp tiềm năng tự nhiên như địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và những đặc điểm về kinh tế - xã hội tạo thuận lợi cũng như gây khó khăn cho sự phát triển nông nghiệp của vùng. Trên thực tế, ngành nông nghiệp vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An đang phát triển theo hướng tích cực, phù hợp với xu thế chung và phát huy được thế mạnh vốn có, tuy nhiên cũng còn không ít những hạn chế.

Với mục tiêu phát triển nông nghiệp của vùng đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An theo hướng hàng hóa, xây dựng nông nghiệp an toàn, bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu cần có những định hướng và giải pháp đồng bộ. Từ việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ nông nghiệp, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật đồng bộ, quy hoạch sử dụng tài nguyên đất hợp lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường, đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, hình thành và phát triển các chuỗi liên kết, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững gắn với bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu. □